TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH BÌNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/DS-ST
Ngày: 29 – 01 – 2019
V/v tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Hồng Biên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quốc Trí

Ông Ngô Văn Khon

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Bạch Phiến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Trong các ngày 25, 29 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 731/2018/TLST-DS ngày 26 tháng 12 năm 2018 về việc "Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Hữu P, sinh năm 1988.

Địa chỉ cư trú: Ấp BC, xã BT, huyện TB, tỉnh ĐT.

- *Bị đơn:* Anh Mai Thanh T, sinh năm 1990.

Chị Nguyễn Thị Trúc Y, sinh năm 1989.

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp BTr, xã BT, huyện TB, tỉnh ĐT.

Anh Nguyễn Hữu P, anh Mai Thanh T, chị Nguyễn Thị Trúc Y có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- NguY đơn anh Nguyễn Hữu P trình bày:

Ngày 12/02/2018 anh Mai Thanh T có vay của anh Nguyễn Hữu P số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận miệng là 1%/tháng, không xác định thời hạn trả, anh T xác định vay để lo công việc gia đình và hẹn vài tháng sẽ trả cho anh P.

Ngày 07/3/2018 anh T tiếp tục vay của anh P số tiền 55.500.000 đồng lãi suất thỏa thuận miệng là 1%/tháng, không xác định thời hạn trả, anh T xác định

vay để lo công việc gia đình và hẹn vài tháng sẽ trả cho anh P.

Anh P đã nhiều lần yêu cầu anh T và chị Y trả khoản tiền vay cho anh P nhưng đến nay anh T và chị Y vẫn không trả cho anh P.

Anh Nguyễn Hữu P yêu cầu anh Mai Thanh T và chị Nguyễn Thị Trúc Y liên đới trả cho anh P số tiền vốn là 105.500.000 đồng, trả lãi đối với số tiền vốn 50.000.000 đồng, với mức lãi suất 1%/tháng, tính từ ngày 12/02/2018 đến ngày 12/12/2018 là 10 tháng, thành tiền là 5.000.000 đồng; trả lãi đối với số tiền 55.500.000 đồng, với mức lãi suất 1%/tháng, tính từ ngày 07/3/2018 đến ngày 07/12/2018 là 09 tháng, thành tiền là 4.995.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 115.495.000 đồng (Một trăm mười lăm triệu bốn trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

- Bị đơn anh Mai Thanh T trình bày:

Anh T thống nhất có nợ anh P số tiền vốn và lãi là 115.495.000 đồng (Một trăm mười lăm triệu bốn trăm chín mươi lăm nghìn đồng). Anh T vay tiền anh P để sử dụng vào mục đích cá nhân, chị Y không biết việc anh T vay tiền của anh P. Hiện nay, anh T không thể trả cho anh P một lần, anh T có khả năng trả cho anh P mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Anh T đồng ý trả cho anh P số tiền vốn và lãi là 115.495.000 đồng nhưng yêu cầu được trả cho anh P mỗi tháng 1.000.000 đồng. Anh T không đồng ý cùng chị Y liên đới trả nợ cho anh P.

- Bị đơn chị Nguyễn Thị Trúc Y trình bày:

Chị Y không biết việc anh T vay tiền của anh P. Chị Y không ký tên vào các biên nhận nợ. Anh T vay tiền của anh P để sử dụng vào mục đích cá nhân. Do đó, chị Y không đồng ý liên đới trả tiền cho anh P.

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:

- Giấy chứng minh nhân dân của anh Nguyễn Hữu P; Sổ hộ khẩu của anh Nguyễn Hữu P (Bản sao đối chiếu).

- Biên nhận ngày 07/3/2018 và Biên nhận ngày 12/02/2018 (Bản chính).

- Đơn xin xác nhận nơi cư trú của người bị kiện (Bản chính).

- Bản khai (Bản chính, đánh máy và viết tay, do anh Mai Thanh T ký tên, đề ngày 26/12/2018).

- Bản khai (Bản chính, đánh máy và viết tay, do chị Nguyễn Thị Trúc Y ký tên, đề ngày 26/12/2018).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Hữu P yêu cầu anh Mai Thanh T và chị Nguyễn Thị Trúc Y liên đới trả cho anh P số tiền vốn và lãi là 115.495.000 đồng (Một trăm mười lăm triệu bốn trăm chín mươi lăm nghìn đồng). Do đó, đây là vụ án

dân sự *"V/v tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản"* theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Mai Thanh T và chị Nguyễn Thị Trúc Y cùng cư trú tại ấp BTr, xã BT, huyện TB, tỉnh ĐT nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu của anh Nguyễn Hữu P là yêu cầu anh Mai Thanh T và chị Nguyễn Thị Trúc Y liên đới trả cho anh P số tiền vốn và lãi là 115.495.000 đồng.

Xét thấy, anh T thừa nhận có ký tên vào Biên nhận ngày 12/02/2018 và Biên nhận ngày 07/3/2018. Anh T cũng thừa nhận nội dung trong 02 Biên nhận nêu trên là đúng. Theo đó, anh T có vay của anh P lần thứ nhất vào ngày 12/02/2018 với số tiền 50.000.000 đồng và lần thứ hai ngày 07/3/2018 với số tiền 55.500.000 đồng, lãi suất thỏa thuận miệng là 1%/tháng và không xác định thời hạn trả. Anh T xác định khi ký tên vào các Biên nhận để vay tổng số tiền là 105.500.000 đồng là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Khi thỏa thuận và thực hiện giao dịch vay tiền thì anh P và anh T đều có năng lực hành vi dân sự đầy đủ. Như vậy, việc giao kết hợp đồng vay tài sản giữa anh P và anh T là phù hợp theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, anh T thừa nhận là anh P đã nhiều lần yêu cầu trả khoản tiền vay nhưng anh T không thực hiện. Tại phiên tòa hôm nay, anh T cũng xác định là chưa trả cho anh P bất kỳ khoản tiền nào. Và anh T cũng không chứng minh được có sự thỏa thuận khác về việc trả khoản tiền vay cho anh P. Cho nên, có thể xác định anh T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với khoản tiền vay của anh P.

Anh P yêu cầu trả lãi đối với số tiền 50.000.000 đồng, với mức lãi suất 1%/tháng, tính từ ngày 12/02/2018 đến ngày 12/12/2018 là 10 tháng, thành tiền là 5.000.000 đồng; trả lãi đối với số tiền 55.500.000 đồng, với mức lãi suất 1%/tháng, tính từ ngày 07/3/2018 đến ngày 07/12/2018 là 09 tháng, thành tiền là 4.995.000 đồng. Tại phiên tòa, anh T thống nhất trả tiền lãi theo yêu cầu của anh P đối với các khoản vay. Việc anh P yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 1%/tháng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Anh T xác định, anh T vay tiền của anh P để sử dụng vào mục đích cá nhân, không sử dụng vào mục đích chung của gia đình. Mặc dù, anh T và chị Y là vợ chồng nhưng việc anh T vay tiền của anh P thì chị Y không biết. Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa anh P không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh là anh T vay tiền của anh P thì chị Y biết và đồng ý chịu trách nhiệm trả nợ đối với khoản vay của anh T. Ngoài ra, anh P cũng không chứng minh được anh T sử dụng khoản tiền vay để phục vụ cuộc sống chung của gia đình anh T. Mặt khác, Biên nhận ngày 12/02/2018 và Biên nhận ngày 07/3/2018 thể hiện chỉ một mình anh T vay và ký tên vào các Biên nhận trên.

Từ những phân tích trên, anh Nguyễn Hữu P yêu cầu anh Mai Thanh T trả cho anh P số tiền vốn và lãi là 115.495.000 đồng (Một trăm mười lăm triệu bốn trăm chín mươi lăm nghìn đồng) là có căn cứ chấp nhận. Đối với yêu cầu chị Nguyễn Thị Trúc Y liên đới với anh Mai Thanh T chịu trách nhiệm trả cho anh P số tiền vốn và lãi nêu trên là không có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Xét ý kiến của anh Mai Thanh T là đồng ý trả cho anh P số tiền vốn và lãi là 115.495.000 đồng nhưng yêu cầu được trả cho anh P mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Xét thấy, theo các Biên nhận không thể hiện là giữa anh P và anh T có thỏa thuận mỗi tháng trả 1.000.000 đồng khi anh T vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Ngoài ra, anh P cũng không đồng ý theo ý kiến của anh T về việc mỗi tháng anh T trả cho anh P 1.000.000 đồng. Vì vậy, ý kiến của anh T là không có căn cứ chấp nhận.

[2.3] Xét ý kiến của chị Nguyễn Thị Trúc Y là việc anh T vay tiền của anh P chị Y không biết, anh T vay tiền của anh P để sử dụng vào mục đích cá nhân. Do đó, chị Y không đồng ý liên đới trả tiền cho anh P.

Xét thấy, cũng như phần nhận định trên ý kiến của chị Nguyễn Thị Trúc Y là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về án phí: Anh Mai Thanh T có đơn xin miễn án phí có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Bình Thành ngày 02/01/2019, lý do là hiện nay anh T gặp khó khăn về kinh tế. Tuy nhiên, trường hợp của anh T không thuộc đối tượng miễn án phí được quy định tại Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Vì vậy, yêu cầu xin miễn án phí của anh T là không có căn cứ chấp nhận.

Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Hữu P. Buộc anh T trả cho anh P số tiền vốn và lãi là 115.495.000 đồng (Một trăm mười lăm triệu bốn trăm chín mươi lăm nghìn đồng) nên anh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 429, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

TuY xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Hữu P.

Buộc anh Mai Thanh T trả cho anh Nguyễn Hữu P số tiền vốn và lãi là 115.495.000 đồng (Một trăm mười lăm triệu bốn trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

Không chấp nhận yêu cầu chị Nguyễn Thị Trúc Y liên đới với anh Mai Thanh T chịu trách nhiệm trả cho anh P số tiền vốn và lãi là 115.495.000 đồng (Một trăm mười lăm triệu bốn trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí:

Anh Mai Thanh T phải chịu số tiền 5.775.000 đồng (Năm triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả cho anh Nguyễn Hữu P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.861.000 đồng (Hai triệu tám trăm sáu mươi mốt nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: BH/2017/0004524 ngày 26/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuY án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Chi cục THA DS huyện Thanh Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Văn Hồng Biên